# BÀI 1: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

## A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (14 câu)

**Câu 1:** Bộ tộc Giéc - man xâm chiếm Các quốc gia cổ đại phương Tây vào thời gian nào?

**A.** Cuối thế kỉ V.

B. Đầu thế kỉ V.

C. Cuối thế kỉ IV.

D. Đầu thế kỉ IV.

**Câu 2:** Người Giéc-man chiếm ruộng đất của chủ nô Rô-ma cũ chia cho thành phần nào nhiều nhất?

A. Những người thân trong gia đình.

B. Phân đều cho mọi người.

C. Dòng tộc của mình.

**D**. Tướng lĩnh quân sự và quý tộc.

**Câu 3:** Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến châu Âu là:

**A.** Lãnh chúa và nông nô

B. Tư sản và nông dân

C. Chủ nô và nô lệ

D. Địa chủ và nông dân

**Câu 4:** Lãnh địa phong kiến là gì?

**A.** Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa phong kiến

B. Vùng đất rộng lớn của lãnh chúa và nông nô

C. Vùng đất rộng lớn của các tướng lĩnh quân sự

D. Vùng đất rộng lớn của nông dân

**Câu 5**: Chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã sụp đổ vào năm:

A. 475

B. 676

**C**. 476

D. 467

**Câu 6:** Vương quốc Phơ-răng sau này phát triển thành nước nào?

A. Mỹ, Pháp Đức

B. Pháp, Đức, Anh

C. Anh, Tây Ban Nha, Đức

**D.** Đức, I-ta-li-a, Pháp

**Câu 7:** Nông nô xuất thân từ tầng lớp nào trong xã hội?

A. Tướng lĩnh quân sự bị thất bại trong chiến tranh.

**B.** Nô lệ và nông dân.

C. Nông dân

D. Nô lệ

**Câu 8:** Chế độ phong kiến Tây Âu ra đời trong hoàn cảnh:

A. Đế quốc La Mã lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy vong.

**B.** Đế quốc La Mã đã bị diệt vong.

C. Các lãnh địa của lãnh chúa đang hình thành.

D. Quá trình bóc lột của lãnh chúa đối với nóng nó diễn ra mạnh mẽ.

**Câu 9:** Lãnh chúa phong kiến được hình thành tư các tầng lớp nào của xã hội?

A. Nô lệ được giải phóng.

B. Nông dân tự do có nhiều ruộng đất.

**C.** Tướng lĩnh quân sự và quý tộc có nhiều ruộng đất.

D. Tất cả các thành phần trên.

**Câu 10:** Thiên Chúa giáo được công nhận là quốc giáo của đế quốc La Mã vào thế kỉ bao nhiêu?

A. III

**B.** IV

C. V

D. VI

**Câu 11:** Vì sao dẫn đến sự xuất hiện thành thị ở châu Âu thời trung đại?

A. Sản xuất bị đình đốn.

B. Sự ngăn cản giao lưu buôn bán của các lãnh địa.

C. Nghề thủ công phát triển cần phải trao đổi, mua bán.

**D.** B và C đúng

**Câu 12:** Kinh tế của lãnh địa mang tính chất gì?

**A.** Tự cung, tự cấp.

B. Nông dân vừa làm ruộng, vừa làm thêm một nghề thủ công.

C. Buôn bán trao đổi với lãnh địa khác

D. Phụ thuộc vào thành thị

**Câu 13:** Cư dân sống chủ yếu trong các thành thị trung đại là những bộ phận nào? A. Nông nô và lãnh chúa.

B. Bình dân thành thị.

**C.** Thợ thủ công và thương nhân.

D. Nông dân và thợ thủ công.

**Câu 14:** Cuối thế kỉ V, xã hội Tây Âu có biến động to lớn gì?

A. Dân số gia tăng.

**B.** Sự xâm nhập của người Giéc-man.

C. Công cụ sản xuất được cải tiến.

D. Kinh tế hàng hóa phát triển.

### 2. THÔNG HIỂU (7 câu)

**Câu 1:** Nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến sự ra đời của thành thị trung đại?

A. Hoạt động trao đổi buôn bán giữa các lãnh địa phát triển

**B**. Sự phát triển của hoạt động sản xuất

C. Chính sách khuyến khích phát triển của lãnh chúa phong kiến

D. Quan hệ trao đổi buôn bán giữa phương Đông với phương Tây được đẩy mạnh

**Câu 2:** Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế trong thành thị trung đại với lãnh địa phong kiến là gì?

**A.** Kinh tế hàng hóa, tự do trao đổi buôn bán

B. Nền kinh tế đóng kín, tự cung tự cấp

C. Tương đối cởi mở nhưng vẫn đặt dưới sự cai quản của lãnh chúa

D. Kinh tế tiểu nông, tự do trao đổi

**Câu 3:** Vì sao sự xuất hiện của các thành thị trung đại lại thúc đẩy sự xác lập chế độ phong kiến tập quyền ở châu Âu?

**A**. Yêu cầu thống nhất thị trường dân tộc để sản xuất, buôn bán thuận lợi

B. Yêu cầu lực lượng nhân công lớn cho sản xuất

C. Yêu cầu xác lập quyền lực tầng lớp thương nhân

D. Yêu cầu xác lập vai trò của nhà vua chuyên chế

**Câu 4:** Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của nông nô?

A. Là lực lượng sản xuất chính trong lãnh địa.

B. Phải nộp cho lãnh chúa 1/2 sản phẩm thu được và nhiều thứ thuế khác.

C. Phải chịu sự đối xử tàn nhẫn của lãnh chúa.

**D.** Không có quyền xây dựng gia đình riêng.

**Câu 5:** Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng cuộc sống của các lãnh chúa trong các lãnh địa phong kiến?

A. Không cần phải lao động

B. Suốt ngày cưỡi ngựa hoặc tổ chức tiệc tùng

C. Đối xử tàn nhẫn với nông nô

**D.** Sống bình đẳng với nông nô

**Câu 6:** Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về lãnh địa phong kiến?

**A.** Là trung tâm giao lưu buôn bán thời phong kiến.

B. Là vùng đất thuộc quyền sở hữu của các lãnh chúa phong kiến.

C. Là đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền ở châu Âu.

D. Nông nô là lao động chủ yếu trong các lãnh địa.

**Câu 7:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng vai trò của thành thị trung đại Tây Âu?

**A.** Thủ tiêu nền kinh tế của lãnh địa.

B. Tạo điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hoá.

C. Đưa đến sự ra đời của tầng lớp thị dân.

D. Mang lại không khí tự do, mở mang tri thức cho mọi người.

### 3. VẬN DỤNG (3 câu)

**Câu 1:** Vì sao có thể khẳng định “Thành thị là những bông hoa rực rỡ nhất trung đại”?

**A**. Sự ra đời của thành thị là điểm sáng, tạo ra sự biến đổi mạnh mẽ của tình hình châu Âu trung đại

B. Sự ra đời của thành thị thúc đẩy sự xác lập của chế độ phong kiến tập quyền

C. Sự ra đời của thành thị thúc đẩy quan hệ giao lưu buôn bán giữa phương Tây với phương Đông

D. Sự ra đời của thành thị là nguồn động lực lớn cho sự phục hồi của nền văn minh Hi- Lạp

**Câu 2:** Trường Đại học Bô-lô-na – một trong những trường đại học nổi tiếng được thành lập từ thời trung đại thuộc quốc gia nào ngày nay?

A. Pháp.

**B.** I-ta-li-a.

C. Đức.

D. Áo.

**Câu 3:** Tượng Hoàng đế Sác-lơ-ma-nhơ nay thuộc quốc gia nào?

A. Anh

**B.** Đức

C. Pháp

D. I-ta-li-a

### 4. VẬN DỤNG CAO ( 3 câu)

**Câu 1:** Một số dấu ấn tiêu biểu của thành thị trung đại còn tồn tại đến ngày nay là:

A. Thành phổ cổ.

B. Trường đại học.

C. Hội chợ.

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Câu 2:** Đâu là tên một thành thị ở xã hội phong kiến Tây Âu:

A. Bô-lô-ha.

B. Săm-pa-nhơ.

**C.** Vê-nê-xi-a.

D. Ox-phớt.

**Câu 3:** Chúa Giê-su lập ra Thiên Chúa giáo vào thế kỉ bao nhiêu?

**A**. I

B. II

C. III

D. IV

## B. ĐÁP ÁN

### 1. NHẬN BIẾT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. D | 3. A | 4. A | 5. C |
| 6. D | 7. B | 8. B | 9. C | 10. B |
| 11. D | 12. A | 13. C | 14. B |  |

### 2. THÔNG HIỂU

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. B | 2. A | 3. A | 4. D | 5. D |
| 6. A | 7. A |  |  |  |

### 3. VẬN DỤNG

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. B | 3. B |  |  |

### 4. VẬN DỤNG CAO

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. D | 2. C | 3. A |  |  |